TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2019/DS-PT
Ngày 13-3-2019
V/v Tranh chấp lối đi

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Triết.

Các Thẩm phán: Ông Trần Anh Tuấn

Bà Trần Thị Phượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Nguyên –Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 13/3/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 21/2019/TLPT- DS ngày 22 tháng 01 năm 2019, về tranh chấp lối đi.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 32/2018/DS - ST ngày 23/11/2018, của Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2019/QĐ - PT ngày 14/02/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2019/QĐ-PT ngày 05/3/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trương Văn M, sinh năm 1960. Địa chỉ: thôn 5b, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1964. Địa chỉ: thôn 5b, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị X: Bà Phạm Thị Bích C, sinh năm 1987, địa chỉ: 69 C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – có mặt. (văn bản ủy quyền ngày 09/3/2019).

3. Người làm chứng:

- Anh Vũ Hữu Đ. Địa chỉ: thôn 5b, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.
- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1969. Địa chỉ: 5c, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.
- Anh Lê H1. Địa chỉ: tổ dân phố 1, thị trấn Ea, huyện H, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.

* Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Trương Văn M trình bày:

Năm 2004, ông Trương Văn M nhận sang nhượng lại của ông Phạm Hùng V 01 đám đất rẫy diện tích 04 ha thuộc địa phận thôn 5b, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk. Để có con đường đi lại canh tác đám rẫy này, ông M đã đổi đất cho anh Vũ Văn N để có con đường đi ngang rộng 03 mét, dài 55 mét (năm 2007 anh N bán lại đất rẫy cho em trai là Vũ Hữu Đ), con đường đi có tứ cận:

Phía Đông giáp đất rẫy ông M;

Phía Tây giáp đường đi;

Phía Nam giáp đất rẫy bà X;

Phía Bắc giáp đất rẫy anh Đ.

Và từ đó cho đến nay, ông M và các hộ dân khác vẫn đi lại bằng con đường này. Năm 2009 Nhà nước đo đạc tập trung nên ông M, bà X, anh Đ đồng ý chừa lại diện tích đất này để làm con đường đi chung và hiện con đường được thể hiện trên bản đồ đo đạc tổng thể của xã. Nhưng đến năm 2017, bà X đã có hành vi cản trở không cho ông M đi lại trên con đường này nên việc đi lại canh tác gặp nhiều khó khăn. Nay ông M yêu cầu Tòa án công nhận con đường đi này là lối đi chung và buộc bà X không được cản trở ông M đi lại con đường đi này. Vì ngoài con đường đi này, ông M không còn con đường đi nào khác.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị X trình bày*:

Năm 1996 bà Nguyễn Thị X nhận sang nhượng lại của ông C1 01 đám đất rẫy diện tích 04 ha. Năm 2000 thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, việc đi lại tưới nước và canh tác rẫy không được thuận tiện nên vào năm 2009 chồng bà X (ông Trương Văn C2 đã chết vào tháng 12/2007) có nhận sang nhượng của anh Vũ Hữu Đ 118 mét chiều dài và rộng 03 mét với giá là 4.200.000đ để san mặt bằng làm con đường đi riêng cho gia đình bà X. Nay ông M khởi kiện cho rằng bà X cản trở không cho ông M đi lại con đường này là không đúng vì con đường đi này là do gia đình bà X nhận sang nhượng của anh Đ để làm con đường đi riêng cho gia đình bà X.

**** Tại bản án số 32/2018/DS-ST ngày 23/11/2018, của Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:***

Áp dụng khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 166; 170; 179; 202; 203 Luật Đất đai;

Áp dụng Điều 245; Điều 254 Bộ luật Dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn M. Công nhận con đường đi tọa lạc tại thôn 5b, xã E, có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất rẫy ông M cạnh 03 mét; phía Tây giáp đường đi cạnh 03 mét; phía Nam giáp đất bà X cạnh 54,75 mét; phía Bắc giáp đất rẫy anh Đ cạnh 55,85 mét, là lối đi chung và cấm mọi hành vi của bà Nguyễn Thị X về việc cản trở ông Trương Văn M đi lại trên lối đi chung này.

Về chi phí thẩm định, định giá: Áp dụng khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; khoản 1 Điều 165; khoản 1 Điều 166 Bộ luật Tố tụng dân sự:

Buộc bà Nguyễn Thị X phải chịu 3.500.000 đồng tiền chi phí thẩm định, định giá.

Trả lại cho ông Trương Văn M 3.500.000 đồng tiền chi phí thẩm định, định giá mà ông M đã nộp sau khi thu được từ bà X.

Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 144; khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 6 Điều 19; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bà Nguyễn Thị X phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Trương Văn M 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, theo Biên lai số AA/2017/0004121 ngày 04/6/2018.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 04/12/2018 bà Nguyễn Thị X kháng cáo với nội dung yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà X thay đổi nội dung kháng cáo từ hủy bản án sơ thẩm sang sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và lời trình bày tại phiên tòa sơ thẩm.

Bị đơn bà Nguyễn Thị X và người đại diện theo ủy quyền cho rằng năm 1996 bà X nhận sang nhượng lại của ông C1 01 đám đất rẫy diện tích 04 ha. Năm 2000 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, việc đi lại tưới nước và canh tác rẫy không được thuận tiện nên vào năm 2009 chồng bà X có nhận sang nhượng của anh Vũ Hữu Đ 118 mét chiều dài và rộng 03 mét với giá là 4.200.000đ để san mặt bằng làm con đường đi riêng cho gia đình bà X. Nay ông M khởi kiện cho rằng bà X cản trở không cho ông M đi lại con đường này là không đúng vì con đường đi này là do gia đình bà X nhận sang nhượng của anh Đ để làm con đường đi riêng cho gia đình bà X. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, bác đơn khởi kiện của ông Trương Văn M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Bà X cho rằng con đường trên là do bà mua đất của ông Đ để làm đường đi riêng của mình. Tuy nhiên, thực tế con đường đã có từ trước, đến năm 2009 thì ông C2, bà X mới mua đất của ông Đ để làm đường, nên cần phải tôn trọng nguồn gốc lịch sử của con đường. Việc mua đất để làm đường của gia đình bà X là có xảy ra, ông Đ cũng thừa nhận. Tuy nhiên, con đường được thể hiện trong bản đồ tổng thể được đo đạc năm 2009 của UBND xã E (bút lục 51, 13), có diện tích và giáp ranh cụ thể như Biên bản xem xét thẩm định đã thể hiện.

Mặt khác, sơ đồ trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bút lục 65) của ông M được cấp năm 2002, cũng đã thể hiện có con đường đi này. Tại Biên bản xác minh ngày 11/10/2018 (bút lục 50), UBND xã E cũng xác định có con đường đi chung được thể hiện trong bản đồ giải thửa của xã. Năm 2009, UBND xã E đo đạc để vẽ sơ đồ địa chính có thể hiện con đường nhưng bà X không có ý kiến gì. Việc bà X cản trở không cho ông M đi lại là ảnh hưởng quyền lợi của ông M.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015:

- Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị X.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2018/DS-ST ngày 23/11/2018 của Toà án nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xe xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về nguồn gốc còn đường đất rẫy của ông N: Năm 2002 ông N đã tự mở con đường đi chung và sang nhượng đất rẫy cho nhiều người.

Năm 2009, UBND xã E, huyện H đã đo vẽ thực tế và điều chỉnh bản đồ địa chính trong bản đồ tổng thể về con đường này, mọi người dân vẫn đi chung. Năm 2009, gia đình bà X mới viết tay mua đất của ông Đ và không có ý kiến gì về việc đo vẽ bản đồ theo hiện trạng và cùng ký tại UBND xã E. Bởi vậy, con đường có đoạn tranh chấp là lối đi chung đã được UBND xã E xác định trên bản đồ địa chính.

Việc bà X cản trở ông M đi trên con đường cộng cộng mà UBND xã đã xác định là con đường đi chung trên bản đồ là vi phạm pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bà X cho rằng: Năm 2009 bà mua đất của ông Đ làm con đường riêng cản trở ông M đi trên phần đường này là không có cơ sở.

Xét bản án sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ và phù hợp với thực tiễn và quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất ở địa phương. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà X và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không được chấp nhận đơn kháng cáo nên bà Nguyễn Thị X phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị X - Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 32/2018/DS-ST ngày 23/11/2018, của Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 166; 170; 179; 202; 203 Luật Đất đai;

Áp dụng Điều 245; Điều 254 Bộ luật Dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn M. Công nhận con đường đi tọa lạc tại thôn 5b, xã E, có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất rẫy ông M cạnh 03 mét; phía Tây giáp đường đi cạnh 03 mét; phía Nam giáp đất bà X cạnh 54,75 mét; phía Bắc giáp đất rẫy anh Đ cạnh 55,85 mét, là lối đi chung và cấm mọi hành vi của bà Nguyễn Thị X về việc cản trở ông Trương Văn M đi lại trên lối đi chung này.

[2] Về chi phí thẩm định, định giá: Áp dụng khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; khoản 1 Điều 165; khoản 1 Điều 166 Bộ luật Tố tụng dân sự:

Buộc bà Nguyễn Thị X phải chịu 3.500.000 đồng tiền chi phí thẩm định, định giá.

Trả lại cho ông Trương Văn M 3.500.000 đồng tiền chi phí thẩm định, định giá mà ông M đã nộp sau khi thu được từ bà X.

[3] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị X phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Trương Văn M 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, theo Biên lai số AA/2017/0004121 ngày 04/6/2018.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008913 tại Chị cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Đắk Lắk.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Ea H'leo;
- Chi cục THA huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Đình Triết